

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 417/2020/HS-ST

Ngày: 24-12-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạ

2. Ông Bùi Ngọc Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 365/2020/TLST-HS ngày 27/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2020/QĐXXST-HS ngày 13/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn H**; Sinh ngày 27 tháng 4 năm 1990; Tại: Tỉnh Nghệ An;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An;
Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Phạm Văn V và bà Lê Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 04 tiền án; Tại bản án số 09/2008/HSST ngày 27/3/2008, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, ngày 12/01/2010 chấp hành xong án phạt tù; Tại bản án số: 102/2010/HSST ngày 08/11/2010, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, xử phạt 03 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản, ngày 03/7/2013 chấp hành xong án phạt tù; Tại bản án số 38/2013/HSST ngày 19/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, ngày 11/01/2017 chấp hành xong án phạt tù; Tại bản án số 29/2017/HSST ngày 24/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An, xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 18/4/2019 chấp hành xong án phạt tù. Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/11/2006, bị Công an xã T, huyện T,

tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 10/QĐ/XPHC xử phạt cảnh cáo, về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 05/6/2007, bị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, 18 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản, theo Quyết định số 1683/QĐ-UBND; Tại bản án số 185/2020/HSST ngày 09/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 5 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2020 cho đến nay, Có mặt.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (Tý C); Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1989; Tại: tỉnh Bình Phước;

Nơi đăng ký đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 03 tiền án. Tại bản án số 93/2008/HSST ngày 19/11/2008, bị Tòa án nhân dân huyện P (nay là thị xã P), tỉnh Bình Phước, xử phạt 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, ngày 30/12/2008 chấp hành xong án phạt tù; Tại bản án số 56/2012/HSST ngày 16/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản, ngày 08/02/2016 chấp hành xong án phạt tù; Tại bản án số 26/2016/HSST Ngày 30/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, xử phạt 04 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản, ngày 29/8/2019 chấp hành xong án phạt tù; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/5/2020 cho đến nay, Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1997; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 26/2018/HSST ngày 29/01/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm, xử phạt 02 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích, ngày 06/5/2019, chấp hành xong án phạt tù; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/5/2020 đến ngày 28/7/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Anh Lê Văn L, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

4. Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

6. Anh Phạm Minh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

7. Ông Trần Đình T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

8. Chị Trần Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ S, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

10. Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1998; địa chỉ: Đường Q, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, Thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

3. Chị Vương Hoàng Nữ U, sinh năm 1999; địa chỉ: Đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. Anh Phạm Minh K, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện /k, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H, Phạm Văn H, Nguyễn Văn T và đối tượng tên T (chưa xác định lai lịch) là bạn quen biết với nhau. Để có tiền tiêu xài cá nhân, H, H, Nguyễn Văn T và đối tượng T rủ nhau đi trộm cắp tài sản là xe mô tô tại các tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng và Đắk Lắk đem đến tỉnh Bình Phước bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. H, H, Nguyễn Văn T và đối tượng T thỏa thuận thống nhất với nhau để thực hiện việc trộm cắp tài sản, sử dụng xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter gắn biển số 47B1-53722 của Phạm Văn H và xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 93G1-22589 của Nguyễn Văn T chở nhau đi dọc các tuyến đường tìm tài sản là xe mô tô của người dân sơ hở thì trộm cắp. Khi phát hiện xe mô tô của người dân sơ hở, H và H thay phiên nhau dùng vạm (do H và H tự làm) phá khóa xe mô tô và lấy trộm xe, còn đối tượng T canh giới. Sau khi lấy được xe, sẽ thay biển số giả do đối tượng T chuẩn bị sẵn, giao cho Nguyễn Văn T canh giữ xe trộm cắp được và cùng chạy xe đi tiêu thụ. Khi cần thêm người, H gọi thêm Nguyễn Văn T

đến thành phố B cùng chạy các xe trộm cắp đi tiêu thụ và trả tiền công cho T từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng một xe. Ngoài ra, H còn trộm cắp xe mô tô cùng với đối tượng tên Nguyễn Như H (sinh năm: 1990, Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk). Trong năm 2020, tại địa bàn các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Lâm Đồng, các đối tượng trên cùng đồng bọn đã thực hiện nhiều vụ Trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 25/02/2020, Trần Văn H và Phạm Văn H chở nhau bằng xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 47B1-537.22 của H đi từ thành phố B đến thành phố Đ theo tuyến quốc lộ 27 để trộm cắp xe mô tô. Khi đi qua thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, H và H thấy chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại MXKING, biển số: 49C1-106.66, số máy: G3E6B0479845, số khung: 0750KK012334 của anh Nguyễn Hữu C (sinh năm: 1998, Hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) dựng trong sân nhà ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm: 1980, Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) không có người trông coi. Lúc này, H đứng ngoài cảnh giới, H vào trong sân nhà dắt xe xuống đường quốc lộ 27 rồi dắt ra xa khoảng 100m. Sau đó, H dùng van chữ L để bẻ ổ khóa nhưng ổ khóa bị vỡ mà xe vẫn không nổ máy được, nên H dùng tay giật dây điện ổ khóa dưới mặt nạ xe máy nối lại với nhau rồi H nổ máy cùng với H chạy thoát. Đi được một đoạn, thì H thay biển số xe rồi cùng H đến thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với mục đích tiếp tục tìm xe để trộm cắp. Tại thành phố Đ, H và H giấu xe mô tô vừa trộm cắp được trong đồi thông gần hồ T và đi đến nhà nghỉ gần đó ngủ, đến sáng ngày 26/02/2020, H gửi xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter của H tại bến xe P rồi cùng H điều khiển xe MXKING trộm cắp được tại huyện Đ chạy khắp các tuyến đường trên thành phố Đ để tiếp tục trộm cắp xe mô tô. Đến chiều ngày 26/02/2020, thì bị Công an thành phố Đ phát hiện nghi vấn và truy đuổi. Cả 2 chở nhau trên xe MXKING nêu trên bỏ chạy về huyện L và bỏ xe tại một vườn cây tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng rồi trốn thoát. Công an huyện L đã phát hiện và trao trả lại chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại MXKING, biển số: 49C1-106.66, số máy: G3E6B0479845, số khung: 0750KK012334 cho anh Nguyễn Hữu C.

Tại bản Kết luận định giá số 17, ngày 09/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại MXKING, biển số 49C1-01666, trị giá 25.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 10/4/2020, Phạm Văn H điều khiển xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter của H đi từ thành phố B đến huyện C đón Nguyễn Như H rồi cùng nhau bàn bạc đi trộm cắp tài sản là xe mô tô. Sau đó, Nguyễn Như H điều khiển xe của H chở H đến huyện K để trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua ngã ba Q, thị trấn B, huyện K, Nguyễn Như H và H thấy chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Future, biển số 47L1-26747, số máy: 3C76B0364625, số khung: 7627JZ020322 của ông Nguyễn Đình T (sinh năm: 1969, Hộ khẩu thường trú: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) dựng ở lề đường không có người trông coi. Lúc này, Nguyễn Như H dùng xe đứng cảnh giới, cho H dùng vạm phá khóa chiếc xe trên lấy trộm xe rồi cùng nhau tẩu thoát về hướng huyện C. Khi đến

khu vực rừng cao su thuộc xã D, huyện C, Nguyễn Như H và H dừng lại thay biển số xe rồi về phòng trọ của H ở thành phố B cất giấu xe của H. Sau đó, H và H thay phiên nhau điều khiển xe mô tô vừa trộm được đến tỉnh Bình Phước bán cho một người (chưa xác định lai lịch) được số tiền 7.000.000 đồng. H và H chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá số 17, ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Future, biển số 47L1-26747 trị giá 24.160.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 7 giờ 00 phút ngày 18/4/2020, Trần Văn H, Phạm Văn H, Nguyễn Văn T và đối tượng tên T chở nhau bằng xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 93G1-225.89 của Nguyễn Văn T và xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 47B1-537.22 của Phạm Văn H đi từ thành phố B đến thành phố P để trộm cắp xe mô tô. Khi đến thành phố P, Nguyễn Văn T vào quán nước gần ngã ba H ngồi đợi, còn T chở H, H đi xe mô tô một mình vào trung tâm thành phố P tìm xe mô tô của người dân sơ hở để trộm cắp. Khi đi ngang qua đường L, tổ M, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. H, T, H thấy chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 81B2-545.11, số máy G3D4E820146, số khung 1010JY054710 của anh Lê Văn L (sinh năm: 1993, trú tại tổ H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai) để trên vỉa hè không có người trông coi. Lúc này, H và T đứng ngoài cảnh giới, H đến dùng vạm phá khóa chiếc xe mô tô trên lấy trộm xe rồi cùng nhau chạy thoát đến rừng tràm cất giấu chiếc xe vừa trộm được.

Tại bản Kết luận định giá số 50, ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 81B2-545.11 trị giá 32.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Sau khi cất giấu chiếc xe máy vừa trộm được (vụ thứ ba), T chở H, còn H điều khiển xe một mình vào trung tâm thành phố P tiếp tục trộm cắp xe mô tô. Khi đi ngang qua đường T, phường P, thành phố P. H, T, H thấy chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 81U1-156.59, số máy G3D4E251651, số khung 0610GY238740 của anh Dương Ngọc H (sinh năm 1990, trú tại hẻm T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai) để trên vỉa hè không có người trông coi. Lúc này, H và T đứng ngoài cảnh giới, H đến dùng vạm phá khóa chiếc xe mô tô trên lấy trộm xe rồi cùng nhau chạy thoát đến rừng tràm cất giấu chiếc xe vừa trộm được. Sau đó, H điều khiển xe đi một mình quay lại chở Nguyễn Văn T đến rừng tràm để Nguyễn Văn T canh giữ hai chiếc xe do H, H, T trộm cắp được rồi H, H, T tiếp tục vào thành phố P trộm cắp xe mô tô. Khi vào thành phố P, H, H, T trộm cắp được một xe Mô tô hiệu Yamaha loại Exciter (chưa xác định biển số xe, người bị hại và địa điểm mất xe) rồi cùng nhau chạy thoát lại khu vực rừng tràm cất giấu chiếc xe vừa trộm cắp được. Sau khi cất giấu xe, H và H đi gửi lại chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter, gắn biển số 47B1-53722 của H tại một Bệnh viện thuộc thành phố P rồi quay lại rừng tràm cùng đồng bọn điều khiển 03 chiếc xe trộm cắp được cùng với xe của Nguyễn Văn T về huyện E. Tại đây, Nguyễn Văn T đi gửi lại xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 93G1-22589 của Nguyễn Văn

T ở Bệnh viện đa khoa huyện E rồi cùng đồng bọn đi cất giấu 03 chiếc xe đã trộm cắp được tại một nghĩa địa ở xã E, huyện E. Sau khi cất giấu xe, H, H, Nguyễn Văn T và T thuê nhà nghỉ ngủ lại đến sáng ngày 19/4/2020 thì cùng nhau điều khiển các xe trộm cắp được về thành phố B.

Tại bản Kết luận định giá số 50, ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 81U1-156.59 trị giá 26.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khi đến thành phố B, H rủ cả bọn vào thành phố B trộm cắp thêm xe mô tô, thì tất cả đồng ý. Lúc này, Nguyễn Văn T điều khiển một xe mô tô đến khu vực nghĩa trang đường V, thành phố B đứng đợi, H chờ H, T đi một mình vào trung tâm thành phố B. Khi đi ngang qua đường P, phường T, thành phố B, H, T, H thấy chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 35B1-79766, số máy G3D4E010138, số khung 0610FY010139 của anh Nguyễn Văn V (sinh năm: 1996, trú tại: đường P, phường T, thành phố B) để trên vỉa hè không có người trông coi. Lúc này, H và T đứng ngoài cảnh giới, H đến dùng vạm phá khóa chiếc xe mô tô trên lấy trộm xe rồi cùng nhau chạy thoát về khu vực nghĩa trang đường V cùng Nguyễn Văn T điều khiển 04 xe mô tô trộm cắp được đến tỉnh Bình Phước. Tại đây, các đối tượng giao xe cho đối tượng T bán lấy tiền chia nhau tiêu xài hết. Cơ quan điều tra chưa làm việc được đối với đối tượng T, nên chưa xác định được những chiếc xe do chiếm đoạt nêu trên bán cho ai và đang ở đâu, nên chưa thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá số 108, ngày 28/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 35B1-797.66 trị giá 30.200.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 7 giờ 00 phút ngày 26/4/2020, Trần Văn H chờ Nguyễn Văn T bằng xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 47B1-537.22 của Phạm Văn H, còn đối tượng T chờ H bằng xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 93G1-225.89 của Nguyễn Văn T đi từ thành phố B đến thành phố P để trộm cắp xe mô tô. Đối tượng T mang theo các biển số xe gồm: 47S1-19179, 47D1-62532, 48B1-72653. Khi đi ngang qua thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. T, H thấy chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Winner, biển số 47M1-51866, số máy: KC26E1068125, số khung: 2606GY044146 của anh Phạm Minh T (sinh năm: 1992, Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) dựng trong sân nhà ông Đặng Thanh M (sinh năm: 1977, trú tại: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) không có người trông coi. Lúc này, T dùng xe đứng ngoài cảnh giới, H đến dùng vạm phá khóa chiếc xe mô tô trên lấy trộm xe rồi cùng đồng bọn tẩu thoát. Khi đến một lô cao su thuộc thôn M, xã E, huyện E, H cùng đồng bọn vào trong lô cao su tháo biển số 47M1-51866 vứt bỏ và gắn biển số 47S1-19179 vào xe vừa trộm được thì thấy xe gần hết xăng, nên Nguyễn Văn T đi mua xăng đổ vào chiếc xe trên và xe của Nguyễn Văn T. Sau đó, H điều khiển xe Honda Winner vừa trộm được, Nguyễn Văn T điều khiển xe của H, còn đối tượng T chờ H bằng xe của Nguyễn Văn T tiếp tục đi về hướng tỉnh Gia Lai để trộm cắp xe mô tô.

Tại bản Kết luận định giá số 526, ngày 16/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Winner, biển số 47M1-518.66 trị giá 26.000.000đồng.

Vụ thứ bảy: Khi đi ngang qua thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, T, H thấy chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại PCX, biển số 81S1-08569, số máy: JF56E0011056, số khung: 5604EY006772 của ông Trần Đình T (sinh năm: 1958, Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) có gắn chìa khóa xe dựng trước nhà bà Hoàng Thị H (sinh năm: 1972, trú tại: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) không có người trông coi. Lúc này, T dùng xe đứng ngoài cánh giới, H mở khóa chiếc xe mô tô trên lấy trộm xe rồi cùng đồng bọn tẩu thoát. Khi đến huyện C, T và Nguyễn Văn T đi gửi lại xe mô tô của H ở Trung tâm y tế huyện C, H và H đi vào một rẫy cà phê thuộc xã I, huyện C cất giấu và tháo biển số 81S1-08569 của xe Mô tô hiệu Honda PCX rồi thay vào biển số 47D1-62532. Sau đó, H chở H bằng xe mô tô hiệu Honda Winner (trộm được ở vụ thứ sáu), T chở Nguyễn Văn T bằng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter của Nguyễn Văn T tiếp tục đi về hướng thành phố P để trộm cắp xe mô tô.

Tại bản Kết luận định giá số 22, ngày 27/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại PCX, biển số 81S1-085.69 trị giá 27.000.000đồng.

Vụ thứ tám: Khi đến một quán nước ở ngã ba H, thành phố P, đối tượng T để Nguyễn Văn T ngồi lại quán nước đợi, rồi cùng H, H vào trung tâm thành phố P trộm cắp xe mô tô. Khi đến, đường L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, T, H, H thấy trước một dãy trọ có dựng một xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 77H1-19681, số máy: G3D4E021391, số khung: 0610FY021384 của chị Trần Thị H (sinh năm: 1991, Hộ khẩu thường trú: tổ S, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai) không có người trông coi. T đứng ngoài cánh giới, H chở H đến gần để H dùng vạm phá khóa chiếc xe trên lấy trộm xe rồi cùng đồng bọn tẩu thoát đến ngã ba H đón Nguyễn Văn T vào khu vực rừng trộm cắp biển số 77H1-19681 và thay vào biển số 48B1-72653. Sau đó, T và H đi gửi xe của Nguyễn Văn T ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai rồi cả nhóm điều khiển 03 xe trộm cắp được về huyện E cất giấu tại một nghĩa trang thuộc xã E, huyện E và thuê phòng nghỉ lại. Sáng ngày 27/4/2020, H điều khiển xe Yamaha Exciter (trộm cắp được tại thành phố P) chở H, T điều khiển xe Honda Winner (trộm cắp được tại huyện E), Nguyễn Văn T điều khiển xe Honda PCX (trộm cắp được tại huyện C) đi về hướng thành phố B tiếp tục trộm cắp xe mô tô.

Tại bản Kết luận định giá số 52, ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 77H1-19681 trị giá 23.500.000đồng.

Vụ thứ chín: Khi đến đường N, tổ dân phố N, phường A, thị xã B. H và H thấy trên đường có dựng một xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển số 47C1- 32232, số máy: JA39E0899469, số khung: 3911KY043426 của chị Nguyễn Thị N (sinh năm: 1995, trú tại tổ dân phố B,

phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) không có người trông coi. H dùng xe đứng cạnh giới cho H dùng vạm phá khóa chiếc xe trên lấy trộm xe rồi cùng đồng bọn tẩu thoát về hướng thành phố B để tiếp tục trộm cắp xe mô tô. Trên đường đi các bị can tháo biển số 47C1-32232 vứt bỏ và thay bằng biển số 81S1-08569.

Tại bản Kết luận định giá số 10, ngày 05/5/2020 của Hội đồng định giá 1276a UBND thị xã B kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 47C1-32232 trị giá 15.779.700 đồng.

Khi gần đến thành phố B, H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T đến thành phố B cùng H điều khiển các xe do H và đồng bọn trộm cắp được đi tiêu thụ, thì T đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán nước ở rừng thông, đường N thuộc thôn M, xã H, thành phố B. Khi đến địa điểm trên, H giao chiếc xe Honda Wave cho T, để T ngồi đợi cùng Nguyễn Văn T, rồi cùng H và T đi vào thành phố B tiếp tục trộm cắp xe mô tô.

Vụ thứ mười: Khi đi đến trước đường L, phường T, thành phố B. H, T và H thấy một xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ đen, biển số 47B2-48005, số máy: G3D4E843899, số khung: RLCUG1010JY077466 (trong cốp có một giấy chứng minh nhân dân mang tên Vương Hoàng Nữ U, một giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Hoàng V) của anh Nguyễn Hoàng V (sinh năm: 1998, Hộ khẩu thường trú: Đường Q, phường T, thành phố B), để ở vỉa hè không có người trông coi. Lúc này, H xuống xe đi bộ lại gần chiếc xe mô tô của anh V lấy vạm phá khóa bẻ khóa xe mô tô của anh V lấy trộm xe rồi cùng đồng bọn điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường đi H gọi cho T nói T chở Nguyễn Văn T đến Bệnh viện Vùng Tây Nguyên. Sau đó cả nhóm gặp nhau tại Bệnh viện Vùng Tây Nguyên rồi cùng nhau điều khiển 05 xe đã trộm cắp được đến tỉnh Bình Phước tiêu thụ. Khi đến huyện C, tỉnh Đắk Nông, H và H đổi xe cho nhau rồi H đi trước tìm chỗ rút tiền. H, T, Nguyễn Văn T và đối tượng T điều khiển 04 xe mô tô trộm cắp được đi sau đến thôn T, xã L, huyện Đ thì bị Công an huyện Đ phát hiện truy đuổi nên bỏ lại 04 xe mô tô rồi chạy thoát. Đối với H, sau khi gọi điện thoại cho H và được H cho biết đã bị phát hiện và bỏ lại xe, nên H điều khiển xe Yamaha Exciter (trộm cắp được ở thành phố P) quay về chỗ ở của H ở đường N, phường T, thành phố B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột mời về làm việc.

Tại bản Kết luận định giá số 85, ngày 29/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 47B2-48005 trị giá 38.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, ngoài 01 vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nêu trên, Nguyễn Văn T còn khai nhận đã được H thuê thực hiện 01 lần vận chuyển xe mô tô do H trộm cắp mà có với giá 3.000.000 đồng/01 xe, cụ thể vào khoảng giữa tháng 4 năm 2020, H gọi cho T thuê T chạy xe từ thành phố B đến tỉnh Bình Phước với tiền công là 3.000.000 đồng, thì T đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter (chưa xác định biển số) đến xã E, huyện C đón T đến khu vực nghĩa trang đường V, thành phố B. Tại đây, H giao cho T điều

khởi một xe mô tô hiệu Yamaha Exciter (chưa xác định biển số) đang dựng ở gần nghĩa trang V. Sau đó, H và T điều khiển hai xe mô tô nói trên đến tỉnh Bình Phước. Tại đây, H để lại hai chiếc xe trên tại một đường nhánh (không rõ địa chỉ) đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng, rồi cả hai đón xe khách về lại thành phố B. Tuy nhiên hiện chưa xác định được xe do H đã trộm cắp, mà T mang đi tiêu thụ, cũng như chưa xác định được bị hại.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn H tự nguyện giao nộp gồm:

- 01 (một) thiết bị phá sóng loại 03 râu;
- 01 (một) văm mở nắp khóa từ bằng kim loại, màu vàng, kích thước (1x2) cm;
- 01 (một) văm phá khóa bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu lục giác, kích thước (1x8) cm;
- 01 (một) cờ lê 13 bằng kim loại màu trắng;
- 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại màu trắng;
- 01 (một) cờ lê 10-14 bằng kim loại màu trắng;
- 04 (bốn) chìa khóa xe hiệu Honda;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu đen, số Imei: 356694082978479;
- 01 (một) xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu đen bạc, số máy: 1S94042603, số khung: 9409Y042601, gắn biển số: 47B1-53722.

Bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp gồm:

- 01 (một) xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 93G1-22589, số máy: G3D4E989103, số khung: 1010KY218570.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 358373061635156.

Ngoài ra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Winner, gắn biển số 47S1-19179, số máy: KC26E1068125, số khung: 2606GY044146, có biển số đăng ký là 47M1-51866 thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Minh K (sinh năm: 1994, Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) là em trai của anh Phạm Minh T.

- Chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại PCX, gắn biển số 47D1-62532, số máy: JF56E0011056, số khung: 5604EY006772 có biển số đăng ký là 81S1-08569 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Đình T.

- Chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter gắn biển số 48B1-72653, số máy: G3D4E021391, số khung: 0610FY021384 có biển số đăng ký là 77H1-19681 thuộc quyền sở hữu của chị Trần Thị H.

- Chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển số 81S1-08569, số máy: JA39E0899469, số khung: 3911KY043426 có biển số đăng ký là 47C1-32232 thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị N.

- Chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ đen, biển số 47B2-48005, số máy: G3D4E843899, số khung: RLCUG1010JY077466, một giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Hoàng V là tài sản và giấy tờ của anh Nguyễn Hoàng V; Một giấy chứng minh nhân dân mang tên Vương Hoàng Nữ U là của chị Vương Hoàng Nữ U, sinh năm: 1999, Hộ khẩu thường trú: Đường Q, phường T, thành phố B.

Đối với xe mô tô biển số 47L1-26747 (Vụ thứ 2); xe mô tô biển số 81B2-54511 (Vụ thứ 3); xe mô tô biển số 81U1-15659 (Vụ thứ 4); xe mô tô biển số 35B1-79766 (Vụ thứ 5) mà bị cáo H cùng đồng bọn đã lấy trộm, sau đó đã bán cho người khác tại Bình Phước (chưa xác định lai lịch), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại 01 xe Mô tô hiệu Honda, loại Winner, số máy: KC26E1068125, số khung: 2606GY044146, biển số 47M1-51866 cho anh Phạm Minh K (sinh năm: 1994, Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) là em trai của anh Phạm Minh T (Vụ thứ 6); 01 xe Mô tô hiệu Honda, loại PCX, số máy: JF56E0011056, số khung: 5604EY006772, biển số 81S1-08569 cho ông Trần Đình T (Vụ thứ 7); 01 xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter, số máy: G3D4E021391, số khung: 0610FY021384, biển số 77H1-19681 cho chị Trần Thị H (Vụ thứ 8); 01 xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, số máy: JA39E0899469, số khung: 3911KY043426, biển số 47C1-32232 cho chị Nguyễn Thị N (Vụ thứ 9); 01 xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ đen, biển số 47B2-48005, số máy: G3D4E843899, số khung: RLCUG1010JY077466, một giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Hoàng V, là xe và giấy tờ cho anh Nguyễn Hoàng V; Một giấy chứng minh nhân dân mang tên Vương Hoàng Nữ U, cho chị Vương Hoàng Nữ U, sinh năm: 1999, Hộ khẩu thường trú: Đường Q, phường T, thành phố B (Vụ thứ 10). Sau khi nhận lại tài sản, anh Nguyễn Hữu C, anh Phạm Minh K, ông Trần Đình T, chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hoàng V, không yêu cầu các bị can phải bồi thường gì thêm.

Đối với 01 thiết bị phá sóng loại 03 râu, 01 văm mở nắp khóa từ bằng kim loại, màu vàng, kích thước (1x2) cm, 01 văm phá khóa bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu lục giác, kích thước (1x8) cm, 01 cờ lê 13 bằng kim loại màu trắng, 01 cờ lê 10 bằng kim loại màu trắng, 01 cờ lê 10-14 bằng kim loại màu trắng, 04 chiếc chìa khóa xe hiệu Honda, là các công cụ của bị cáo Phạm Văn H dùng vào việc trộm cắp tài sản, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 93G1-22589, số máy: G3D4E989103, số khung: 1010KY218570 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 359373061635156, là tài sản của bị can Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu đen, số Imei: 356694082978479, là tài sản của bị

cáo Phạm Văn H, các bị cáo đã dùng vào việc trộm cắp tài sản, nên đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra: Ông Nguyễn Đình T yêu cầu bồi thường số tiền 24.160.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 47L1-26747; anh Lê Văn L yêu cầu bồi thường số tiền 32.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81B2-54511; anh Dương Ngọc H yêu cầu bồi thường số tiền 26.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81U1-15659 và anh Nguyễn Văn V yêu cầu bồi thường số tiền 30.200.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 35B1-79766, là các tài sản bị mất không thu hồi được. Ngoài ra, ông T, các anh L, H và V không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 363/CT-VKSTP.BMT ngày 23/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H: từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù.

*** Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

+ Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại 01 xe Mô tô hiệu Honda, biển số 47M1-51866 cho anh Phạm Minh K; 01 xe Mô tô hiệu Honda, biển số 81S1-08569 cho ông Trần Đình T; 01 xe Mô tô hiệu Yamaha, biển số 77H1-19681 cho chị Trần Thị H; 01 xe Mô tô hiệu Honda, loại

Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển số 47C1-32232 cho chị Nguyễn Thị N; 01 xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ đen, biển số 47B2-48005, 01 giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Hoàng V, là xe và giấy tờ cho anh Nguyễn Hoàng V; Một giấy chứng minh nhân dân mang tên Vương Hoàng Nữ U, cho chị Vương Hoàng Nữ U là các chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thiết bị phá sóng loại 03 râu, 01 văm mở nắp khóa từ bằng kim loại, màu vàng, kích thước (1x2) cm, 01 văm phá khóa bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu lục giác, kích thước (1x8) cm, 01 cờ lê 13 bằng kim loại màu trắng, 01 cờ lê 10 bằng kim loại màu trắng, 01 cờ lê 10-14 bằng kim loại màu trắng, 04 chiếc chìa khóa xe hiệu Honda, là các công cụ của bị cáo Phạm Văn H dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 93G1-22589, số máy: G3D4E989103, số khung: 1010KY218570 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 359373061635156, là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu đen, số Imei: 356694082978479, là tài sản của bị cáo Phạm Văn H, là phương tiện các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội.

- Buộc các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T bồi thường cho các bị hại trong đó: Bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình T số tiền 24.160.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 47L1-26747; bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho anh Lê Văn L số tiền 32.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81B2-54511; bồi thường cho anh Dương Ngọc H số tiền 26.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81U1-15659 và anh Nguyễn Văn V số tiền 30.200.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 35B1-79766, là các tài sản bị mất không thu hồi được theo các kết luận định giá tài sản. Ngoài ra, ông T, các anh L, H và V không yêu cầu bồi thường gì khác.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Văn T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có cơ sở, đúng pháp luật.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian, từ ngày 26/02/2020 đến ngày 27/4/2020, tại thành phố B, thị xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thành phố P, huyện C, tỉnh Gia Lai và huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Phạm Văn H đã trộm cắp 10 xe mô tô các loại, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 267.639.700 đồng; Từ ngày 18/4/2020 đến ngày 27/4/2020, tại thành phố B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, thành phố P, huyện C, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Văn T đã trộm cắp 08 xe mô tô các loại, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 218.479.700 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T thực hiện là đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”

Vào ngày 27/4/2020, tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn T mặc dù biết rõ chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave trị giá 15.779.700 đồng là tài sản do Trần Văn H trộm cắp mà có, nhưng vẫn mang đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện là đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[2] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm bất hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, buộc các bị cáo phải biết được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đều sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do vậy các bị

cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà mình đã gây ra.

[3] Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo có sự phân công vai trò cụ thể do đó cần phải phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Phạm Văn H, là người chuẩn bị phương tiện xe mô tô cùng đồng bọn thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá là 267.639.700 đồng, trong đó bị cáo H trực tiếp dùng vạm phá khóa thực hiện 08 vụ trộm cắp xe mô tô các loại, đứng cảnh giới cho đồng bọn thực hiện 02 vụ, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm; phạm tội có tổ chức; phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại các điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 4 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do đó mức hình phạt đối với bị cáo phải thật nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo T và T là phù hợp;

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T cũng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, đứng cảnh giới cho đồng bọn thực hiện 08 vụ, tổng trị giá tài sản trộm cắp 218.479.700 đồng cũng như bị cáo H, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tái phạm nguy hiểm; phạm tội có tổ chức; phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại các điểm a, b, g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên, trong vụ án này số lần thực hiện tội phạm và trị giá tài sản ít hơn so với bị cáo H, do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo cũng phải tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhưng thấp hơn mức hình phạt của bị cáo Phạm Văn H và cao hơn mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T là phù hợp;

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, mặc dù biết rõ xe mô tô do Trần Văn H trộm cắp mà có, nhưng do hám lợi nên bị cáo đã giúp đưa đi tiêu thụ để được trả tiền công; bản thân bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên với lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo cũng phải tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện nhưng thấp hơn mức hình phạt của bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T là phù hợp.

Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Từ những phân tích và nhận định trên. Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T ra khỏi đời

sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4] Trong vụ án này: Đối với Trần Văn H, ngày 10/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can Trần Văn H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo Trần Văn H. Nên Cơ quan điều tra tách hành vi của Trần Văn H ra khỏi vụ án, khi nào Trần Văn H chữa bệnh xong, sẽ phục hồi xử lý sau;

Đối với 01 chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại Winner, gắn biển số 47T1-33971 là tài sản của Trần Văn H; 02 (hai) áo khoác nam màu đen, 01 (một) đôi dép màu đen, quai trắng, 02 (hai) chìa khóa xe, 01 (một) thiết bị phá sóng, 01 (một) vạm phá khóa 1 đầu dẹt 1 đầu lục giác là trang phục và công cụ được Trần Văn H dùng để trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã tạm đình chỉ điều tra đối với Trần Văn H, nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án để xử lý sau;

Đối với xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu đen bạc, số máy: 1S94042603, số khung: 9409Y042601, gắn biển số: 47B1-53722 là phương tiện được bị cáo H dùng để trộm cắp tài sản. Bị cáo H khai nhận chiếc xe trên do H mua của một người tên H (chưa xác định lai lịch). Kết quả xác minh xác định chiếc xe trên có biển số thật là 47R3-1008 do anh Phạm Hùng M, sinh năm: 1970, địa chỉ: Thôn S (nay là tổ dân phố T), thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đứng tên đăng ký chủ xe. Hiện nay, anh M không sinh sống tại địa chỉ trên, nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh M, nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau;

Ngoài ra trong vụ án này, Cơ quan điều tra chưa xác định lai lịch và chưa làm việc được với người bị hại mà các Trần Văn H, H và đối tượng T chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter (chưa rõ biển số) tại thành phố P vào ngày 18/4/2020, người bị hại có tài sản được bị cáo T đưa đi tiêu thụ vào giữa tháng 4/2020; đối tượng tên T (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đã tham gia trộm cắp cùng với các bị cáo và người đã mua xe mô tô trong các vụ 2, 3, 4, 5, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách vụ việc và hành vi ra khỏi vụ án này để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật;

Đối với đối tượng Nguyễn Như H, đã cùng bị cáo Phạm Văn H trộm cắp xe Mô tô hiệu Honda, loại Future, biển số 47L1-267.47 tại: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã Quyết định tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau;

Đối với các biển số xe gồm: 47S1-191.79, 47D1-625.32 và 48B1-726.53 do đối tượng T cung cấp cho các bị cáo đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với đối tượng T, nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, là phù hợp.

[5] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại 01 xe Mô tô hiệu Honda, biển số 47M1-51866 cho anh Phạm Minh K; 01 xe Mô tô hiệu Honda, biển số 81S1-08569 cho ông Trần Đình T; 01 xe Mô tô hiệu Yamaha, biển số 77H1-19681 cho chị Trần Thị H; 01 xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển số 47C1-32232 cho chị Nguyễn Thị N; 01 xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ đen, biển số 47B2-48005, 01 giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Hoàng V, là xe và giấy tờ cho anh Nguyễn Hoàng V; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vương Hoàng Nữ U, cho chị Vương Hoàng Nữ U là các chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Đối với: 01 thiết bị phá sóng loại 03 râu, 01 văm mở nắp khóa từ bằng kim loại, màu vàng, kích thước (1x2) cm, 01 văm phá khóa bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu lục giác, kích thước (1x8) cm, 01 cò lê 13 bằng kim loại màu trắng, 01 cò lê 10 bằng kim loại màu trắng, 01 cò lê 10-14 bằng kim loại màu trắng, 04 chiếc chìa khóa xe hiệu Honda, là các công cụ bị cáo Phạm Văn H dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với: 01 xe Mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 93G1-22589, số máy: G3D4E989103, số khung: 1010KY218570 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 359373061635156, là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu đen, số Imei: 356694082978479, là tài sản của bị cáo Phạm Văn H, là phương tiện các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

(Vật chứng có đặc điểm số lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/10/2020 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B)

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình giải quyết vụ án các bị hại Nguyễn Đình T, Lê Văn L, Dương Ngọc H và Nguyễn Văn V yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với trị giá tài sản bị mất không thu hồi được là xe mô tô các loại theo các kết luận định giá trong tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy đối với các tài sản bị mất là xe mô tô các loại sau khi trộm cắp các bị cáo cùng đồng bọn đã bán tài sản, lấy tiền chia nhau tiêu xài hết, nên cần buộc các bị cáo bồi thường, liên đới bồi thường cho các bị hại trong đó: Bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường cho Nguyễn Đình T số tiền 24.160.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 47L1-26747; bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho anh Lê Văn L số tiền 32.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81B2-54511 cho anh Dương Ngọc H số tiền 26.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81U1-15659 và anh Nguyễn Văn V số tiền 30.200.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 35B1-79766, là các tài sản bị mất không thu hồi được theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H: 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 03/5/2020;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/5/2020 ;

Căn cứ Điều 323 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/5/2020 đến ngày 28/7/2020;

* **Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả lại 01 xe Mô tô hiệu Honda, biển số 47M1-51866 cho anh Phạm Minh K; 01 xe Mô tô hiệu Honda, biển số 81S1-08569 cho ông Trần Đình T; 01 xe Mô tô hiệu Yamaha, biển số 77H1-19681 cho chị Trần Thị H; 01 xe Mô tô hiệu Honda, loại

Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển số 47C1-32232 cho chị Nguyễn Thị N; 01 xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ đen, biển số 47B2-48005, 01 giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Hoàng V, là xe và giấy tờ cho anh Nguyễn Hoàng V; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vương Hoàng Nữ U, cho chị Vương Hoàng Nữ U là các chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thiết bị phá sóng loại 03 râu, màu đen, hình hộp kích thước khoảng (2x10x5)cm; 01 (một) văm mở nắp khóa từ bằng kim loại, màu vàng, kích thước (1x2) cm; 01 (một) văm phá khóa bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu lục giác, kích thước (1x8) cm; 01 (một) cờ lê 13 bằng kim loại màu trắng; 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại màu trắng; 01 (một) cờ lê 10-14 bằng kim loại màu trắng; 04 (bốn) chìa khóa xe hiệu Honda, là các công cụ của bị cáo Phạm Văn H dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại Exciter biển số 93G1-225.89 màu sơn: Đen, dung tích xi lanh: 149, số máy: G3D4E989103, số khung: 1010KY218570, không kèm đăng ký xe; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, số Imei: 358373061635156, là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu đen, không kiểm tra được đời máy, số Imei do điện thoại bị cài mật khẩu, là tài sản của bị cáo Phạm Văn H, là phương tiện các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội.

(Vật chứng có đặc điểm số lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/10/2020 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B)

- Buộc bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình T số tiền 24.160.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 47L1-26747;

- Buộc bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho: anh Lê Văn L số tiền 32.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81B2-54511, cụ thể Phạm Văn H bồi thường 16.000.000đồng, Nguyễn Văn T bồi thường 16.000.000đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho anh Dương Ngọc H số tiền 26.000.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 81U1-15659, cụ thể Phạm Văn H bồi thường 13.000.000đồng, Nguyễn Văn T bồi thường 13.000.000đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn V số tiền 30.200.000 đồng, giá trị chiếc xe Mô tô biển số 35B1-79766, cụ thể Phạm Văn H bồi thường 15.100.000đồng, Nguyễn Văn T bồi thường 15.100.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

*** Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn H phải chịu 3.413.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 2.205.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk; VKSND TP. BMT;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- THA phạt tù TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS+ VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thị Trúc